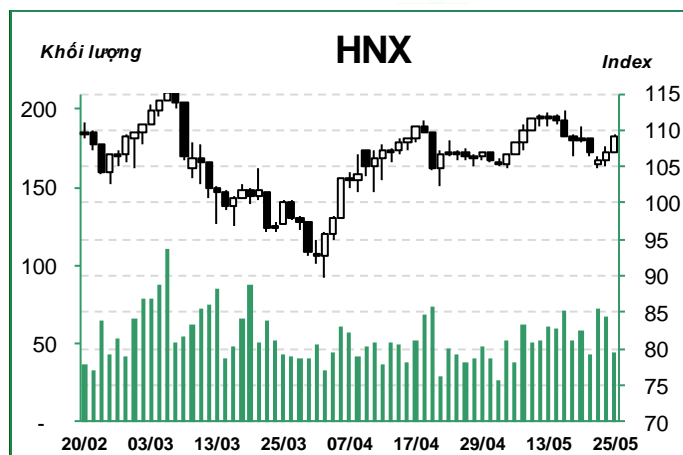
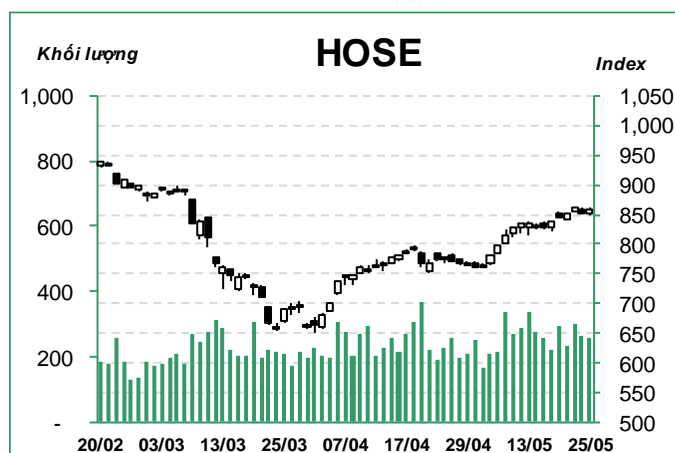


Tổng quan thị trường

| 25/05/2020 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|---------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 859.04 | 0.74% | 807.25 | 0.51% | 109.15 | 1.97% |
| Cuối tuần trước | 852.74 | 0.74% | 803.14 | 0.51% | 107.04 | 1.97% |
| Trung bình 20 ngày | 817.97 | 5.02% | 761.80 | 5.97% | 108.39 | 0.70% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 307.23 | 1.07% | 101.10 | -3.00% | 48.97 | -31.38% |
| KLGD khớp lệnh | 259.64 | -2.02% | 81.74 | -14.10% | 43.87 | -34.56% |
| Trung bình 20 ngày | 255.84 | 1.49% | 90.67 | -9.85% | 51.97 | -15.59% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 5,868.07 | 11.05% | 3,234.67 | 12.98% | 579.18 | -24.20% |
| GTGD khớp lệnh | 4,462.95 | -1.16% | 2,338.97 | -7.86% | 513.89 | -26.91% |
| Trung bình 20 ngày | 4,231.85 | 5.46% | 2,417.22 | -3.24% | 463.84 | 10.79% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 218 | 51% | 17 | 57% | 96 | 26% |
| Số mã giảm | 145 | 34% | 8 | 27% | 62 | 17% |
| Số mã đứng giá | 67 | 16% | 5 | 17% | 208 | 57% |



Thị trường có diễn biến tích cực với sắc xanh bao phủ trên cả 2 sàn. Tuy nhiên, đà tăng có phần yếu hơn so với những phiên tăng điểm trong tuần trước. Trong khi đó, dòng tiền đã không còn tập trung kéo các cổ phiếu trụ mà hướng đến một số nhóm ngành vốn hóa nhỏ hơn.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 859.04 điểm (+0.74%). KLGD khớp lệnh đạt 259.6 triệu cổ phiếu (-2.0%), tương đương 4,463 tỷ đồng giá trị (-1.2%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 218 mã tăng so với 145 mã giảm điểm.

Dẫn đầu đà tăng trên sàn HoSE là các cổ phiếu Vinamilk-VNM (+2.8%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+4.8%), Vingroup-VIC (+0.7%). Bên cạnh đó, một số nhóm ngành vốn hóa vừa và nhỏ cũng xuất hiện lực cầu mạnh, nổi bật là các nhóm BĐS khu công nghiệp, dệt may, phân bón và cấp nước. Ở chiều ngược lại, Vietjet Air-VJC (-0.8%), PV Gas-GAS (-0.3%), VPBank-VPB (-0.6%) và Masan-MSN (-0.3%) là những cổ phiếu gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE, đạt giá trị 45.6 tỷ đồng. Trong đó, lực bán tập trung ở các cổ phiếu Hòa Phát-HPG (-99.2 tỷ), Masan-MSN (-25.9 tỷ), Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM-CII (-11.9 tỷ). Trái lại, Vinamilk-VNM (+87.3 tỷ), Cao su Phước Hòa-PHR (+21.8 tỷ), Vinhomes-VHM (+19.1 tỷ) là những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index có 2 phiên tăng vọt liên tiếp và đóng cửa tại mức 109.15 điểm (+1.97%). Tuy nhiên, thanh khoản lại sụt giảm dần cho thấy lực cầu có dấu hiệu yếu đi. KLGD khớp lệnh đạt 43.9 triệu cổ phiếu (-34.6%), tương đương 513.9 tỷ đồng giá trị (-26.9%).

Tương tự như phiên cuối tuần trước, đà tăng của HNX-Index vẫn chủ yếu đến từ lực cầu bắt đáy của Ngân hàng SHB-SHB

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| VIC | 4,000.0 | 385.60 |
| VHM | 2,333.6 | 178.56 |
| VPB | 4,130.0 | 94.56 |
| EIB | 4,016.6 | 67.76 |
| HSG | 7,100.0 | 64.61 |
| GEX | 2,820.0 | 47.39 |
| DBD | 841.0 | 42.89 |
| HPX | 1,285.0 | 34.11 |
| CTI | 1,794.0 | 34.09 |
| SBT | 2,078.0 | 33.04 |
| HNX | | |
| ACB | 1,173.0 | 26.98 |
| SHB | 1,726.3 | 23.37 |
| TIG | 1,435.0 | 9.08 |
| GKM | 204.8 | 3.59 |
| MKV | 180.3 | 1.80 |
| VIG | 376.7 | 0.38 |
| SIC | 10.0 | 0.09 |
| TVD | 0.1 | 0.00 |

(+6.8%). Theo sau đó là sắc xanh của các cổ phiếu khác như Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.9%), Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+4.2%), Idico-IDC (+4.1%). Trái lại, Điện miền Trung-SEB (-8.1%), Tái bảo hiểm Quốc gia-VNR (-2.6%), Bột giặt Net-NET (-5.5%) là những cổ phiếu kim hãm đà tăng của chỉ số.

Khối ngoại giảm nhẹ bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 27.3 tỷ đồng (-13.9%). Với Ngân hàng SHB-SHB (-28.4 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-2.1 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-0.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Dầu khí PTSC-PVS (+3.3 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+0.3 tỷ), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+0.2 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân MA20 phiên, hàm ý dòng tiền đang ở lại thị trường. Thêm vào đó, chỉ số tiếp tục đóng cửa trên MA5 và 20, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX hướng lên vùng 26 và đường +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn được duy trì. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang tiệm cận vùng kháng cự mạnh quanh 860-880 điểm (vùng đáy 2019), cùng với RSI đang đi vào vùng quá mua 70, do đó, không loại trừ chỉ số có thể sẽ sớm xuất hiện nhịp điều chỉnh mang tính củng cố xu hướng, trước khi chính thức vượt qua vùng kháng cự trên. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và cắt trở lại MA20, cho tín hiệu tích cực. Chỉ số có thể đang vận động trong vùng Sideway quanh MA20 và hướng lên ngưỡng kháng cự trên của vùng vận động ở mức 112 điểm. Nhìn chung, thị trường có thể vẫn giữ được xu hướng phục hồi ngắn hạn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| FRT | 26.8 | 1,898.4 | 7.0% |
| HCD | 3.2 | 2,053.4 | 7.0% |
| SVT | 9.2 | 0.5 | 7.0% |
| TMP | 35.4 | 2.8 | 7.0% |
| PHR | 48.7 | 3,142.6 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| FDC | 12.7 | 5.9 | -7.0% |
| CKG | 10.0 | 197.8 | -7.0% |
| NAV | 16.7 | 0.0 | -7.0% |
| RIC | 4.4 | 0.4 | -6.8% |
| KPF | 17.2 | 5.0 | -6.8% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VHM | 76.8 | 357.4 | 0.4% |
| HPG | 27.3 | 306.5 | 0.2% |
| VNM | 117.6 | 183.8 | 2.8% |
| CTG | 23.1 | 155.2 | 1.1% |
| PHR | 48.7 | 149.2 | 6.9% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ITA | 2.8 | 14,096.9 | 6.9% |
| HPG | 27.3 | 11,168.9 | 0.2% |
| STB | 10.3 | 9,448.4 | 0.5% |
| HSG | 9.8 | 7,146.1 | 0.9% |
| DPM | 15.3 | 6,977.9 | 5.5% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACM | 0.6 | 117.5 | 20.0% |
| PVX | 0.8 | 495.7 | 14.3% |
| FID | 1.0 | 0.2 | 11.1% |
| OCH | 7.7 | 0.1 | 10.0% |
| HDA | 8.8 | 503.4 | 10.0% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| KVC | 0.8 | 498.6 | -11.1% |
| DNY | 1.8 | 5.2 | -10.0% |
| DNC | 55.8 | 1.0 | -10.0% |
| DIH | 13.6 | 0.1 | -9.9% |
| PPE | 4.6 | 0.1 | -9.8% |

Top 5 giá trị

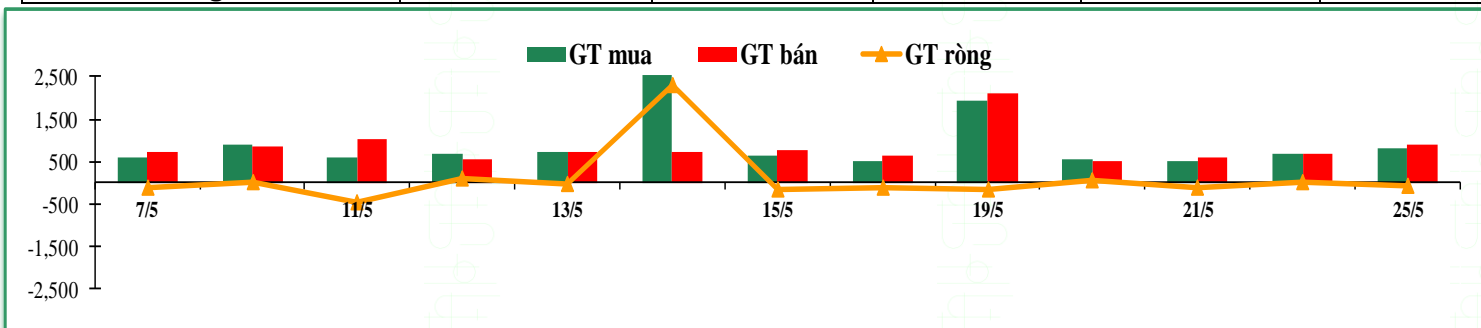
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 14.1 | 125.9 | 6.8% |
| ACB | 22.6 | 79.3 | 0.9% |
| PVS | 12.6 | 60.4 | 1.6% |
| TNG | 14.1 | 32.5 | 4.4% |
| TAR | 27.8 | 20.9 | 0.0% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB | 14.1 | 8,898.3 | 6.8% |
| PVS | 12.6 | 4,784.7 | 1.6% |
| ACB | 22.6 | 3,519.7 | 0.9% |
| TNG | 14.1 | 2,363.4 | 4.4% |
| MBG | 7.5 | 2,158.2 | 2.7% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE | 828.5 | 18.6% | 874.0 | 19.6% | -45.6 |
| HNX | 5.1 | 1.0% | 32.4 | 6.3% | -27.3 |
| Tổng số | 833.6 | | 906.5 | | -72.9 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC | 97.1 | 391.5 | 0.7% |
| VNM | 117.6 | 116.9 | 2.8% |
| VHM | 76.8 | 87.9 | 0.4% |
| VCB | 81.1 | 29.3 | 0.1% |
| PHR | 48.7 | 22.0 | 6.9% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC | 97.1 | 389.8 | 0.7% |
| HPG | 27.3 | 105.7 | 0.2% |
| VHM | 76.8 | 68.8 | 0.4% |
| VNM | 117.6 | 29.6 | 2.8% |
| MSN | 61.8 | 27.3 | -0.3% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 117.6 | 87.3 | 2.8% |
| PHR | 48.7 | 21.8 | 6.9% |
| VHM | 76.8 | 19.1 | 0.4% |
| VCB | 81.1 | 14.3 | 0.1% |
| BMP | 47.0 | 5.9 | 0.5% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 12.6 | 3.3 | 1.6% |
| SHB | 14.1 | 0.3 | 6.8% |
| PVI | 30.5 | 0.3 | 0.0% |
| TKU | 11.6 | 0.2 | -9.4% |
| BVS | 8.9 | 0.2 | 0.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 14.1 | 28.8 | 6.8% |
| SHS | 9.0 | 2.1 | 2.3% |
| BVS | 8.9 | 0.4 | 0.0% |
| NTP | 34.2 | 0.2 | -0.6% |
| TKU | 11.6 | 0.2 | -9.4% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 12.6 | 3.3 | 1.6% |
| PVI | 30.5 | 0.3 | 0.0% |
| PLC | 17.4 | 0.2 | 1.8% |
| TIG | 6.6 | 0.1 | 0.0% |
| IDV | 40.0 | 0.1 | 1.3% |

Tin trong nước

Lãi suất giảm sâu trên liên ngân hàng

Trung tâm Phân tích Chứng khoán SSI - SSI Research có báo cáo thị trường tiền tệ tuần 18-22/5. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) không thực hiện giao dịch mới trên thị trường mở, có 22.997 tỷ đồng tín phiếu và 3 tỷ đồng OMO đến hạn. Tính chung, NHNN đã bơm ròng 22.994 tỷ đồng qua thị trường mở. Thanh khoản dồi dào khiến lãi suất trên liên ngân hàng liên tục giảm, đến cuối tuần xuống mức 0,53%/năm (giảm 82 điểm cơ bản) với kỳ hạn qua đêm và 0,73%/năm (giảm 76 điểm cơ bản) với kỳ hạn 1 tuần. Chênh lệch lãi suất qua đêm VND-USD thu hẹp từ 1,2% về 0,4%/năm.

Theo báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội, đến 15/5, tín dụng tăng 1,32% so với cuối năm trước, thấp hơn mức 1,42% tại cuối tháng 4, cho thấy đầu ra tín dụng vẫn hạn chế dù lãi suất cho vay đã giảm 0,5-2,5% so với trước khi có dịch Covid-19.

Lãi suất tiền gửi tại một số ngân hàng thương mại cổ phần lớn cũng vừa được điều chỉnh giảm 30-50 điểm cơ bản ở các kỳ hạn 12, 13 tháng và giảm 10-20 điểm cơ bản ở các kỳ hạn 6 đến dưới 12 tháng, để cân đối với mức giảm của lãi suất cho vay. Hiện tại, lãi suất tiền gửi ở mức 3,9-4,25% với kỳ hạn dưới 6 tháng, 4,9-7,5%/năm với kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng và 6,2-7,8%/năm với kỳ hạn 12, 13 tháng.

Đề xuất giảm gần 16.000 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020

Bộ Tài chính vừa có Tờ trình số 93/TTr-BTC trình Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Ước tính theo đề xuất này, Ngân sách Nhà nước năm 2020 sẽ giảm thu khoảng 15.840 tỷ đồng/năm nếu thực hiện.

Cụ thể, doanh nghiệp siêu nhỏ có doanh thu không quá 3 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm 2020 không quá 10 người; doanh nghiệp nhỏ có tổng doanh thu năm 2020 không quá 50 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm 2020 không quá 100 người.

Bộ Tài chính cho biết, theo số liệu thống kê, tính đến cuối năm 2019, Việt Nam có khoảng 760.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong cơ cấu doanh nghiệp của Việt Nam, nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp.

Trong đó, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ chiếm hơn 63%, doanh nghiệp quy mô nhỏ chiếm hơn 30% và doanh nghiệp quy mô vừa chiếm gần 4%. Như vậy, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tới hơn 93% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế cũng như ổn định xã hội.

Việc giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, Bộ Tài chính cho biết, chính sách này sẽ làm giảm thu ngân sách nhà nước năm 2020 khoảng 15.840 tỷ đồng/năm.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Lợi nhuận tháng 4 của MWG giảm 45% so với cùng kỳ

Bắt đầu chịu các tác động rõ rệt của Covid-19, Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) thông báo doanh thu thuần tháng 4 giảm 14% so với cùng kỳ còn 7.835 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế giảm đến 45% xuống 209 tỷ đồng và giảm 27% so với tháng 3.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 37.187 tỷ đồng, tăng 9% và lợi nhuận sau thuế đạt 1.341 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu Bách Hóa Xanh vẫn tăng trưởng cao trong khi chuỗi TGDD giảm đến 12%.

Về phương án chia cổ tức năm 2019, công ty trình phương án chia bằng tiền mặt với tỷ lệ tối đa 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). Công ty cũng chi cổ tức năm 2018 tiền mặt tỷ lệ 15%.

Kido Foods lên phương án sáp nhập vào Kido, chia cổ tức 30%

Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020, HĐQT Công ty Thực phẩm Đông lạnh Kido (Kido Foods, UPCoM: KDF) sẽ trình phương án sáp nhập vào Tập đoàn Kido (HoSE: KDC).

HĐQT cho biết kể từ khi đại chúng hóa và đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường UPCoM vào năm 2017 theo định hướng của tập đoàn mẹ Kido, cổ phiếu KDF chưa thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư, chưa phản ánh đúng vị thế doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2017-2019, dù Kido Foods vẫn duy trì được vị trí dẫn đầu ngành kem với thị phần tăng từ 38,1% (2016) lên 41,4% (2019) nhưng kết quả hoạt động kinh doanh có nhiều biến động mạnh. Như năm 2018, công ty đạt lợi nhuận sau thuế 27,4 tỷ đồng, ghi nhận 1 năm kinh doanh không hiệu quả.

Gỗ Đức Thành tạm ứng cổ tức đợt 2/2019 thêm 20%

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (HoSE: GDT) thông báo chốt danh sách cổ đông vào 4/6 để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Với 16,9 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 34 tỷ đồng.

Trước đó vào cuối năm 2019, Gỗ Đức Thành cũng từng tạm ứng cổ tức đợt 1/2019 với tỷ lệ 20%. Như vậy mức chi tạm ứng qua 2 đợt hiện là 40% bằng tiền. Năm 2018 công ty chia cổ tức tổng cộng 50% và năm 2017 là 70%.

Hiện công ty vẫn chưa tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 để thông qua các kế hoạch kinh doanh cũng như phương án lợi nhuận. Ngày chốt danh sách họp vào 19/3.

Năm ngoái, Gỗ Đức Thành ghi nhận doanh thu giảm 12% còn 346 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 17% xuống 74 tỷ đồng. Báo cáo quý I mới đây công ty đạt 14,5 tỷ đồng, tăng 20%.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------------------|
| 1 | VRE | Mua | 26/05/20 | 26.2 | 26.2 | 0.0% | 30.5 | 16% | 24.6 | -6% | Xu hướng phục hồi được duy trì |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | CSV | Mua | 07/05/20 | 21.75 | 20.8 | 4.6% | 23.1 | 11% | 19.7 | -5% | |
| 2 | CTG | Nắm giữ | 07/05/20 | 23.05 | 20.2 | 14.1% | 23.9 | 18% | 19.5 | -3% | |
| 3 | BVH | Mua | 11/05/20 | 49.5 | 47.9 | 3.3% | 54.8 | 14% | 45.4 | -5% | |
| 4 | LAS | Mua | 13/05/20 | 6.4 | 6 | 6.7% | 7.1 | 18% | 5.7 | -5% | |
| 5 | BFC | Nắm giữ | 13/05/20 | 13.4 | 11.95 | 12.1% | 15 | 26% | 11.4 | -5% | |
| 6 | MWG | Mua | 19/05/20 | 86.1 | 85.5 | 0.7% | 94.9 | 11% | 82 | -4% | |
| 7 | MBB | Mua | 22/05/20 | 17.3 | 17.6 | -1.7% | 20.3 | 15% | 16.8 | -5% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày | | | | | | | 25/05/2020 | | Thông tin chứng quyền | | | | |
|----------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------------------------|--------|-----------------------|---------------------------|----------------------|--------------|--|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn | |
| CCTD2001 | 1,540 | 1,930 | -4.5 % | 25% | 19,172 | 205 | 68,000 | 297 | KIS | CTD | 80,888 | 10 | 16/12/2020 | |
| CDPM2001 | 1,000 | 1,200 | 12.2 % | 20% | 2,201 | 25 | 15,300 | 384 | KIS | DPM | 14,567 | 2 | 19/06/2020 | |
| CFPT1908 | 3,150 | 1,450 | -2.7 % | -54% | 4,416 | 23 | 48,450 | 0 | MBS | FPT | 54,000 | 3 | 17/06/2020 | |
| CFPT2001 | 1,600 | 680 | -2.9 % | -58% | 25,780 | 28 | 48,450 | 0 | HCM | FPT | 56,000 | 5 | 22/06/2020 | |
| CFPT2002 | 2,900 | 1,620 | -11.5 % | -44% | 585 | 58 | 48,450 | 0 | VCI | FPT | 58,000 | 2 | 22/07/2020 | |
| CFPT2003 | 7,300 | 11,790 | -4.2 % | 62% | 3,630 | 168 | 48,450 | 2,278 | SSI | FPT | 50,000 | 1 | 09/11/2020 | |
| CFPT2004 | 5,100 | 9,390 | -4.8 % | 84% | 2,676 | 77 | 48,450 | 711 | SSI | FPT | 50,000 | 1 | 10/08/2020 | |
| CFPT2005 | 2,900 | 8,510 | -4.6 % | 193% | 4,991 | 37 | 48,450 | 407 | VND | FPT | 49,000 | 1 | 01/07/2020 | |
| CGMD2001 | 1,000 | 30 | 0 % | -97% | 2,021 | 28 | 19,400 | (0) | HCM | GMD | 25,000 | 4 | 22/06/2020 | |
| CHPG2001 | 1,800 | 1,990 | -0.5 % | 11% | 9,925 | 36 | 27,300 | 1,689 | HCM | HPG | 24,000 | 2 | 30/06/2020 | |
| CHPG2004 | 2,800 | 3,940 | -2.2 % | 41% | 11,812 | 21 | 27,300 | 3,845 | SSI | HPG | 23,500 | 1 | 15/06/2020 | |
| CHPG2005 | 2,100 | 8,660 | -3.2 % | 312% | 3,305 | 129 | 27,300 | 8,521 | VND | HPG | 19,000 | 1 | 01/10/2020 | |
| CHPG2006 | 1,500 | 3,470 | -0.9 % | 131% | 3,294 | 114 | 27,300 | 2,760 | KIS | HPG | 22,020 | 2 | 16/09/2020 | |
| CHPG2007 | 1,660 | 5,240 | 0 % | 216% | 531 | 52 | 27,300 | 4,409 | KIS | HPG | 22,999 | 1 | 16/07/2020 | |
| CMBB2001 | 1,600 | 90 | -10.0 % | -94% | 37,208 | 28 | 17,300 | (0) | HCM | MBB | 21,000 | 2 | 22/06/2020 | |
| CMBB2002 | 1,300 | 1,320 | -2.9 % | 2% | 15,392 | 77 | 17,300 | 216 | SSI | MBB | 18,000 | 1 | 10/08/2020 | |
| CMBB2003 | 2,000 | 2,190 | 0 % | 10% | 3,109 | 168 | 17,300 | 773 | SSI | MBB | 18,000 | 1 | 09/11/2020 | |
| CMBB2004 | 1,100 | 1,620 | -1.8 % | 47% | 6,255 | 37 | 17,300 | 434 | VND | MBB | 17,000 | 1 | 01/07/2020 | |
| CMBB2005 | 2,000 | 1,360 | 4.6 % | -32% | 50 | 154 | 17,300 | 186 | VCI | MBB | 20,000 | 1 | 26/10/2020 | |
| CMSN2001 | 2,300 | 1,980 | -1.5 % | -14% | 5,083 | 205 | 61,800 | 628 | KIS | MSN | 65,789 | 5 | 16/12/2020 | |
| CMSN2002 | 2,000 | 2,340 | -2.5 % | 17% | 289 | 114 | 61,800 | 532 | KIS | MSN | 62,999 | 4 | 16/09/2020 | |
| CMSN2003 | 1,900 | 1,600 | -8.6 % | -16% | 2,221 | 52 | 61,800 | 1 | KIS | MSN | 69,999 | 2 | 16/07/2020 | |
| CMWG2001 | 1,700 | 40 | 0 % | -98% | 28,458 | 28 | 86,100 | (0) | HCM | MWG | 115,000 | 10 | 22/06/2020 | |
| CMWG2002 | 1,950 | 170 | 0 % | -91% | 10,986 | 46 | 86,100 | 0 | MBS | MWG | 110,000 | 10 | 10/07/2020 | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|-------|---------|------|--------|-----|---------|-------|-----|-----|---------|----|------------|
| CMWG2004 | 13,600 | 320 | -15.8 % | -98% | 6,639 | 21 | 86,100 | (0) | SSI | MWG | 105,000 | 1 | 15/06/2020 |
| CMWG2005 | 2,500 | 6,450 | -5.7 % | 158% | 5,331 | 129 | 86,100 | 1,232 | VND | MWG | 92,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CMWG2006 | 2,000 | 2,870 | -8.0 % | 44% | 897 | 154 | 86,100 | 81 | VCI | MWG | 110,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CNVL2001 | 2,300 | 1,110 | -0.9 % | -52% | 22,333 | 205 | 53,300 | 16 | KIS | NVL | 65,888 | 4 | 16/12/2020 |
| CPNJ2002 | 2,400 | 4,240 | 1.0 % | 77% | 4,102 | 129 | 64,000 | 671 | VND | PNJ | 69,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CPNJ2003 | 2,000 | 1,780 | -19.1 % | -11% | 565 | 154 | 64,000 | 136 | VCI | PNJ | 75,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CREE1905 | 2,150 | 300 | -6.3 % | -86% | 4,089 | 23 | 31,200 | 0 | MBS | REE | 34,600 | 3 | 17/06/2020 |
| CREE2001 | 1,100 | 160 | 0 % | -85% | 20,007 | 28 | 31,200 | 0 | HCM | REE | 36,000 | 5 | 22/06/2020 |
| CREE2002 | 1,800 | 2,130 | -4.9 % | 18% | 10,216 | 37 | 31,200 | 117 | VND | REE | 32,000 | 1 | 01/07/2020 |
| CROS2001 | 1,500 | 30 | 0 % | -98% | 19,680 | 25 | 3,440 | - | KIS | ROS | 26,468 | 4 | 19/06/2020 |
| CROS2002 | 1,000 | 860 | 32.3 % | -14% | 16,943 | 205 | 3,440 | 6 | KIS | ROS | 7,227 | 1 | 16/12/2020 |
| CSBT2001 | 2,900 | 750 | 0 % | -74% | 8,809 | 205 | 14,800 | 35 | KIS | SBT | 21,111 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2001 | 1,500 | 390 | 2.6 % | -74% | 25,454 | 23 | 10,250 | 0 | KIS | STB | 10,999 | 1 | 17/06/2020 |
| CSTB2002 | 1,700 | 1,460 | 0 % | -14% | 4,423 | 205 | 10,250 | 312 | KIS | STB | 11,888 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2003 | 1,360 | 1,260 | -0.8 % | -7% | 17,772 | 114 | 10,250 | 172 | KIS | STB | 11,111 | 1 | 16/09/2020 |
| CTCB1902 | 5,300 | 700 | -17.7 % | -87% | 9,088 | 11 | 21,050 | 120 | VND | TCB | 21,000 | 1 | 05/06/2020 |
| CTCB2001 | 1,700 | 220 | -8.3 % | -87% | 11,797 | 28 | 21,050 | 0 | HCM | TCB | 23,000 | 2 | 22/06/2020 |
| CTCB2003 | 2,000 | 1,350 | 2.3 % | -33% | 1,152 | 154 | 21,050 | 175 | VCI | TCB | 25,000 | 1 | 26/10/2020 |
| CVHM2001 | 3,100 | 1,550 | -0.6 % | -50% | 14,533 | 205 | 76,800 | 239 | KIS | VHM | 94,567 | 5 | 16/12/2020 |
| CVIC2002 | 1,350 | 1,090 | 0 % | -19% | 1,474 | 52 | 97,100 | 1 | KIS | VIC | 108,888 | 5 | 16/07/2020 |
| CVJC2001 | 2,400 | 710 | -2.7 % | -70% | 2,778 | 205 | 113,100 | 2 | KIS | VJC | 173,137 | 10 | 16/12/2020 |
| CVNM2001 | 1,700 | 570 | 29.6 % | -66% | 50,695 | 28 | 117,600 | 53 | HCM | VNM | 118,983 | 10 | 22/06/2020 |
| CVPB2001 | 1,500 | 2,100 | -4.1 % | 40% | 11,376 | 28 | 24,000 | 2,025 | HCM | VPB | 20,000 | 2 | 22/06/2020 |
| CVPB2003 | 2,200 | 2,770 | -7.4 % | 26% | 4,159 | 58 | 24,000 | 2,149 | VCI | VPB | 22,000 | 1 | 22/07/2020 |
| CVRE2002 | 1,400 | 100 | 0 % | -93% | 21,828 | 28 | 26,200 | (0) | HCM | VRE | 32,000 | 4 | 22/06/2020 |
| CVRE2003 | 3,000 | 890 | 9.9 % | -70% | 9,702 | 205 | 26,200 | 56 | KIS | VRE | 37,999 | 2 | 16/12/2020 |
| CVRE2004 | 1,940 | 1,270 | 7.6 % | -35% | 4,012 | 52 | 26,200 | 3 | KIS | VRE | 29,999 | 1 | 16/07/2020 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2020E (tỷ) | EPS 2020E | BV 2020E | ROE 2020E | ROA 2020E | PE 2020E | PB 2020E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| GEG (New) | HOSE | 21,350 | 23,400 | 22/05/2020 | 321 | 1,184 | 12,652 | 10% | 4% | 17.6 | 1.9 | - |
| NVL (New) | HOSE | 53,300 | 62,430 | 22/05/2020 | 2,993 | 3,122 | 25,625 | 11% | 3% | 20.3 | 2.1 | - |
| MWG (New) | HOSE | 86,100 | 107,800 | 21/05/2020 | 3,073 | 6,782 | 28,975 | 23% | 7% | 15.9 | 3.7 | 15% |
| HDB (New) | HOSE | 24,100 | 29,600 | 19/05/2020 | 3,985 | 4,126 | 24,855 | 16% | 2% | 7.2 | 1.2 | 0% |
| BSR | UPCOM | 6,400 | 5,900 | 14/05/2020 | (449) | - | 10,552 | -1% | -1% | - | 0.6 | 0% |
| POW | HOSE | 10,200 | 12,800 | 14/05/2020 | 2,628 | 960 | 12,601 | 8% | 5% | 10.9 | 1.0 | 0% |
| MSN | HOSE | 61,800 | 67,300 | 13/05/2020 | 3,026 | 2,589 | 47,137 | 7% | 3% | 26.0 | 1.4 | - |
| DGW | HOSE | 27,100 | 31,500 | 29/04/2020 | 222 | 5,305 | 26,834 | 20% | 8% | 5.9 | 1.2 | 20% |
| IMP | HOSE | 53,900 | 55,000 | 17/04/2020 | 209 | 4,180 | 32,793 | 13% | 10% | 13.2 | 1.7 | 20% |
| PNJ | HOSE | 64,000 | 79,500 | 16/04/2020 | 1,194 | 5,301 | 23,250 | 23% | 13% | 15.0 | 3.4 | 8% |
| FPT | HOSE | 48,450 | 52,300 | 15/04/2020 | 4,444 | 4,832 | 17,843 | 24% | 12% | 11.0 | 2.9 | 20% |
| VRE | HOSE | 26,200 | 34,200 | 10/04/2020 | 3,127 | 1,420 | 12,891 | 11% | 8% | 23.3 | 2.4 | - |
| HVN | HOSE | 26,800 | 14,500 | 08/04/2020 | 538 | 231 | 13,139 | 3% | 1% | 62.8 | 1.1 | 0% |
| GAS | HOSE | 73,700 | 59,000 | 07/04/2020 | 7,878 | 3,988 | 25,223 | 15% | 12% | 14.7 | 2.3 | 20% |
| PPC | HOSE | 24,500 | 28,300 | 06/04/2020 | 1,192 | 3,653 | 19,726 | 19% | 15% | 8.4 | 1.6 | 20% |
| DHG | HOSE | 93,100 | 80,400 | 30/03/2020 | 630 | 4,807 | 24,146 | 20% | 14% | 16.7 | 3.3 | 30% |
| CTG | HOSE | 23,050 | 22,604 | 30/03/2020 | 7,964 | 2,139 | 22,907 | 7% | 0% | 10.6 | 1.0 | 0% |
| NT2 | HOSE | 21,000 | 27,900 | 26/03/2020 | 754 | 2,542 | 15,894 | 17% | 10% | 11.0 | 1.8 | 10% |
| DXG | HOSE | 11,300 | 15,970 | 18/03/2020 | 1,283 | 2,817 | 18,715 | 11% | 5% | 4.8 | 0.9 | - |
| HVN | HOSE | 26,800 | 21,300 | 13/03/2020 | 1,558 | 950 | 13,139 | 8% | 2% | 22.4 | 1.6 | 3% |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.